

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 241/2023/DS-GĐT

Ngày: 21/9/2023

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

09/12 thành viên tham gia xét xử, do ông Võ Văn Cường – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa, theo ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: B27 Tổ 6, khu phố BĐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ liên lạc: D216 PTG, khu phố BĐ 1, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng N1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 2009/62A/6 PTH, Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 11/01/2019).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức D2, sinh năm 1966.

Địa chỉ: B27 Tổ 6, khu phố BĐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1948.

Địa chỉ: 2009/9 PTH, Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 565/1 ấp BG, xã PA, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

3.3. Ông Trần Nguyễn Doãn M2, sinh năm 1975.

3.4. Ông Trần Nguyễn Thanh C, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: 389/20 K6/D151, Tổ 86 (tổ cũ 74) đường NĐT, khu phố 6, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

3.5. Bà Nguyễn Thị N2. Sinh năm 1956.

Địa chỉ: 1228 HV, khu 7, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964. (Giấy ủy quyền ngày 01/7/2019).

Địa chỉ: D216 PTG, khu phố BĐ 1, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3.6. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: B42 khu phố BĐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3.7. Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1953.

3.8. Bà Nguyễn Thị Kiều T3, sinh năm 1982.

3.9. Bà Nguyễn Thị Kiều T4, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: 4/2854A Tổ 13, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3.10. Bà Cao Thị M3, sinh năm 1968.

3.11. Ông Nguyễn Đức O1, sinh năm 1993.

3.12. Bà Nguyễn Thị Kiều O2, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: B72A Tổ 6, khu phố BĐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3.13. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1961.

Địa chỉ: D43A khu phố BĐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3.14. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 1969/16 đường PTH, Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.15. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: D216 đường PTG, khu phố BĐ 1, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3.16. Bà Nguyễn Bích Q, sinh năm 1970.

Địa chỉ: D4 khu phố BÐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

3.17. Bà Nguyễn Thị Bích D3, sinh năm 1988.

Địa chỉ: B27 Tổ 6, khu phố BÐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D1 có người đại diện theo ủy quyền trình bày:
Ông Nguyễn Đức Quốc A, sinh năm 1951, chết ngày 03/3/2018 có cha là Nguyễn Đức L, chết năm 1998 và mẹ là Nguyễn Thị T chết ngày 25/3/2018. Ông A không có vợ con. Ông L và bà T có 15 người con gồm: Bà Nguyễn Thị M1; Bà Nguyễn Thị P; ông Nguyễn Đức Quốc A (đã chết năm 2018); Bà Nguyễn Thị T8 (đã chết năm 1985) có chồng tên Trần Văn M (chết năm 2018) và 02 người con tên Trần Nguyễn Doãn M2 và Trần Nguyễn Thanh C; Bà Nguyễn Thị N2; Bà Nguyễn Thị C1 (chết năm 1992) có chồng là Nguyễn Tấn T2 và 02 người con tên Nguyễn Thị Kiều T3 và Nguyễn Thị Kiều T4; Ông Nguyễn Đức H; Bà Nguyễn Thị T5; Bà Nguyễn Thị T6; Ông Nguyễn Đức H1 (chết năm 2013) có vợ Cao Thị M3 và 02 người con tên Nguyễn Đức O1 và Nguyễn Thị Kiều O2; Bà Nguyễn Thị T1; Ông Nguyễn Đức D2; Bà Nguyễn Thị D1; Bà Nguyễn Bích Q; Bà Nguyễn Thị Bích T9 (chết năm 1996 không có chồng con).

Ông A chết không để lại di chúc, tài sản để lại là quyền sử dụng đất diện tích 863,5m² (đặc thực tế 844,7m²) thuộc thửa 413, tờ bản đồ số 13, khu phố BÐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/01/2011 và căn nhà gắn liền với đất diện tích 95,3m². Ngoài tài sản ông A còn có một căn nhà diện tích 66,3m² của bà Nguyễn Thị T cho ông A quản lý.

Sau khi ông A chết thì ông D2 tuyên bố toàn bộ nhà, đất trên là của ông D2 nên thường xuyên kiểm soát, xúc phạm, chửi mắng cúp điện sinh hoạt và xua đuổi mẹ con bà D1 ra ngoài đường. Do quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên bà D1 khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc ông D2 có nghĩa vụ chia di sản thừa kế do ông A để lại cho các đồng thừa kế là anh chị em của ông A và chia đều cho 10 người còn sống cụ thể như sau:

Phần thứ nhất chia chung cho các đồng thừa kế sử dụng, gồm: các ông bà D1, M1, N2, T5, T6, T1, H. Bà D1 yêu cầu được chia phần đất trống và có ki ốt cất tóc. Phần còn lại giao cho ông D2, bà P, bà Q và người nhận tài sản có nhà phải bồi thường giá trị nhà.

Khi ông A và ông H1 còn sống, ông A đã cho ông H1 diện tích 100m² và ông H1 cũng đã chết trước ông A nên các con ông H1 không được thừa kế của ông A; đối với bà T và bà C1, đã chết trước ông A không được hưởng thừa kế.

Bị đơn ông Nguyễn Đức D2 trình bày: Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của ông A. Trước khi ông A chết thì đã lập hợp đồng đo đạc để tặng cho ông toàn bộ tài sản của ông A nhưng chưa kịp sang tên quyền sử dụng đất thì ông A chết nên hợp đồng này cũng xem như là di chúc. Trường hợp Tòa án chia thừa kế thì ông cũng không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất, tài sản giao trên đất cho ai thì người đó được hưởng và không có ý kiến đối với số tiền đóng cho Nhà thờ LT vì đây là nghĩa vụ của người sống đối với người chết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của ông A nhưng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do: Quyền sử dụng đất diện tích 863,5m² (đo đạc thực tế 844,7m²) thuộc thửa 413 nêu trên có nguồn gốc là do mẹ là bà Nguyễn Thị T mua của Nhà thờ LT. Khi mua, bà có đưa cho bà T, ông A, ông D2 số tiền 176.000.000 đồng vào ngày 09/3/2011 để trả nợ cho nhà thờ, lúc đó mua 700m². Khi mua bà T có nói để cho ông A đứng tên vì ông A là con trưởng trong gia đình. Sau đó, do đo đạc thực tế đất tăng lên là 843m² nên gia đình phải trả thêm 35.750.000 đồng (143m² x 250.000 đồng/m²). Sau khi nhận chuyển nhượng và trả tiền xong thì đất đứng tên ông A. Bà xác định đất là của ông A, trước khi chết ông A đã lập Hợp đồng trích đo, đo vẽ chi tiết thửa số LT-1228/17/HĐĐĐ ngày 26/12/2017 mục đích là để lại tài sản là nhà, đất cho ông D2 nhưng thủ tục chưa xong thì ông A chết nên xem như đây là di chúc của ông A để lại. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi ích cho ông D2.

Đối với số tiền 176.000.000 đồng bà đã đưa cho mẹ là bà T vào ngày 09/3/2011 bà không yêu cầu ai phải trả lại số tiền này cho bà. Đối với số tiền 35.750.000 đồng bà giao cho ông Nguyễn Văn N là tiền của ông D2 để giao Nhà thờ LT, bà không có ý kiến.

Trường hợp Tòa án chia thừa kế tài sản của ông A, bà T để lại thì bà không nhận kỷ phần của bà mà đồng ý giao cho ông D2 toàn quyền quản lý, sử dụng và không có ý kiến gì đối với nhà và cây trái trên đất. Đối với các con bà C1, bà T thì được hưởng bằng một nửa người còn sống.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị N2 (do bà Nguyễn Thị T1 đại diện), Nguyễn Thị T5, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Đức H trình bày: Các ông, bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của ông A và thống nhất với ý kiến của bà D1 về yêu cầu chia chung (đứng tên quyền sử dụng đất chung) cho 07 người. Trường hợp Tòa án giao cho các ông, bà được phần đất gắn liền với nhà thì các ông, bà đồng ý bồi thường giá trị nhà của ông A cho các ông, bà D2, P, Q. Phần nhà của bà T sẽ bồi thường cho các đồng thừa kế của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Bích Q trình bày: Bà thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của ông A. Đối với yêu cầu chia thừa kế bà đồng ý chia như yêu cầu của nguyên đơn, phần của bà được hưởng, bà không yêu cầu chia riêng mà đề nghị được chia chung với ông D2, bà P và đứng tên quyền sử dụng đất chung với ông D2, bà P. Bà yêu cầu Tòa án chia cho bà, bà P, ông D2 được nhận phần đất có nhà ông A và bà T để lại, việc bồi thường giá trị nhà và cây trái trên đất thì đề nghị giao đất cho ai thì người đó được hưởng không phải bồi thường cho ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị M3, Nguyễn Đức O1, Nguyễn Thị Kiều O2 thống nhất trình bày: Bà M3, ông O1, bà O2 là vợ con ông H1 (đã chết năm 2013), khi ông A và ông H1 còn sống, ông A đã cho ông H1 quyền sử dụng đất diện tích 100m² đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng nên ông, bà không có yêu cầu gì đối với phần tài sản đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Nguyễn Doãn M2, Trần Nguyễn Thanh C thống nhất trình bày: Ông M2, ông C là con của bà T (đã chết năm 1985) và ông Trần Văn M (chết năm 2018), bà T là em của ông A. Hai ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích D3 trình bày: Bà là con bà D1 và cùng sinh sống với bà D1 trên phần tranh chấp. Bà không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Thị Kiều T3, Nguyễn Thị Kiều T4 thống nhất trình bày: bà C1 (chết năm 1992) là em ruột của ông A. Ông T2 là chồng bà C1 còn bà T3 và bà T4 là con. Các ông, bà không có yêu cầu gì với tài sản đang tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA (nay là thành phố TA), tỉnh Bình Dương đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1.

Chia tài sản thừa kế ông A và bà T để lại như sau:

Bà D1, bà Mai, bà N2, bà Thùy, bà Thúy, bà T1, ông H được chia quyền sử dụng chung quyền sử dụng đất diện tích 429,7m² (trong đó có 109m² đất ODT) thuộc thửa 413, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại khu phố BĐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 18/01/2011 cho ông A và tài sản gắn liền với đất là nhà ki ốt diện tích 29,9m². Ghi nhận sự tự nguyện yêu cầu xem xét, xử lý tài sản là căn nhà của bà D1 trên đất có kết cấu cột gạch, tường xây gạch, mái tôn, nền gạch men diện tích 30,4m². (Vị trí B, sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà P, bà Q, ông D2, ông M2, ông C, bà T3 và bà T4 được chia quyền sử dụng chung quyền sử dụng đất diện tích 352m² (trong đó có 78,2m² đất ODT)

thuộc thửa 413 và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà một tầng, diện tích 95,3m² có kết cấu cột gạch, tường xây gạch, mái tôn, nền gạch men có trần có diện tích 66,3m². (Vị trí A, sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu bồi thường giá trị tài sản là nhà ở và không yêu cầu chia các tài sản là cây trái trên đất. Nhà ở và cây trái trên đất chỉ cho ai thì người đó được hưởng.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã TA thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 18/01/2011 cho ông A để cấp lại cho người sử dụng đất cho phù hợp với nội dung quyết định của bản án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2020/DS-PT ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức D2 và bà Nguyễn Thị P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ngày 17/7/2023, ông D2 có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định số 188/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 10/8/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2020/DS-PT ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm nêu trên để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự thể hiện: nguồn gốc đất trước năm 1970 do Nhà thờ LT quản lý, đến năm 1970 giao cho ông Nguyễn Đức L ở nhờ, sau đó ông L đăng ký kê khai và được hội đồng đăng ký ruộng đất xã BN cấp giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất ngày 16/4/1985. Năm 1998 ông L chết, ngày 05/6/2009 vợ của ông là bà T và một số người con trong đó có ông A, ông D2 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Phòng Công chứng số 2 - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương công chứng số 669 với nội dung thống nhất để ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 06/6/2009 Giáo xứ LT đã có văn bản đồng ý cho ông A được toàn quyền quản lý, sử dụng đất nhưng khi nhận đất, Giáo dân phải thực

hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà thờ số tiền 211.750.000 đồng, ông A đã thanh toán cho Nhà thờ 175.000.000 đồng, còn lại 35.750.000 đồng sau khi ông A chết thì bà P là người thanh toán. Tuy nhiên bà P không tranh chấp hay yêu cầu hoàn trả số tiền này.

Đến ngày 18/01/2011, ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 963,5m² thuộc thửa số 413, tờ bản đồ số 13, khu phố BĐ 2, phường LT, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Ngày 14/02/2012, ông A chuyển quyền cho ông Nguyễn Đức H1 100m² đất nên diện tích đất còn lại là 863,5m², qua đo đạc thực tế là 844,7m², trên đất còn có căn nhà, cây trái của bà T và ông A để lại. Quá trình ông A sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như chuyển quyền sử dụng đất cho ông H1, các anh chị em trong gia đình đều biết nhưng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì. Vì vậy, có căn cứ xác định ông A có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa số 413 nêu trên.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án ông D2 cho rằng lúc còn sống, ông A đã tặng cho ông diện tích đất nêu trên thông qua việc ông và ông A cùng ký Hợp đồng trích đo, đo vẽ chi tiết thửa đất ngày 26/12/2017 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã TA để bổ túc hồ sơ địa chính, hợp đồng thể hiện nội dung *“Bên B: Nguyễn Đức Quốc A - Nguyễn Đức D2. Đại diện cho: CN HẾT SỐ (ĐỒNG SỬ DỤNG)”*. Bên cạnh đó, theo Biên bản xác minh ngày 06/3/2018 (BL 79) tại thực địa khu đất của ông A thì ông Lưu Hồng S là công chức địa chính xây dựng và ông Nguyễn Hồng Ph là công chức địa chính môi trường đã tiến hành xác minh với nội dung *“Nay ông A chuyển quyền cho ông Nguyễn Đức A và Nguyễn Đức D2 toàn bộ diện tích đất nêu trên, sau khi đo đạc thì diện tích giảm 20,5 m². Nguyên nhân: Do trước đây cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chính xác... Qua xác minh, chúng tôi kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A và ông D2 theo diện tích thực tế khu đất đang sử dụng”*.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không tiến hành xác minh để làm rõ nội dung biên bản xác minh nêu trên, không lấy lời khai của ông Ph, ông S cũng như thu thập tài liệu tại Ủy ban nhân dân phường LT về hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của ông A để làm rõ, thực tế ông A có tặng cho ông D2 quyền sử dụng đất hay không? nếu có thì tặng cho toàn bộ hay chỉ một phần để cả hai ông cùng đứng tên quyền sử dụng đất? đồng thời cần làm rõ người có tên *“Nguyễn Đức A”* mà ông Ph và ông S đề cập trong Biên bản xác minh ngày 06/3/2018 là ai mới có căn cứ giải quyết chính xác, đúng bản chất vụ án. Tòa án 02 cấp cho rằng hợp đồng đo đạc chỉ là thủ tục hành chính, không chứa nội dung di chúc theo quy định của pháp luật, từ đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xác định di sản là do ông A chết để lại chưa chia để tiến hành chia di sản theo pháp luật là chưa có căn cứ vững chắc.

[3]. Về cách phân chia di sản: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chia cho 07 đồng thừa kế 492,7m² (trong đó có 109m² đất thổ cư) tại vị trí bên ngoài mặt tiền. Phần diện tích còn lại 352m² (trong đó chỉ còn có 78.2m² đất thổ cư) nằm phía trong cho các đồng thừa kế còn lại là không đảm bảo nguyên tắc công bằng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Hơn nữa, theo biên bản thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 04/9/2019, trên đất tranh chấp có 01 căn nhà diện tích 95,7m² của ông A; 01 căn nhà diện tích 66,3m² của bà T; 01 căn nhà diện tích 30,4m² của bà D1 và 01 căn ki ốt diện tích 29,9m² của ông D2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm lại xác định toàn bộ tài sản trên đất là di sản thừa kế do ông A để lại và tiến hành chia cho các đồng thừa kế là không đúng.

[4]. Trường hợp này, nếu có căn cứ xác định đây là di sản chưa chia của ông A và bà T thì cần định giá tài sản, bên nào nhận phần có giá trị cao hơn thì phải thanh toán lại phần giá trị chênh lệch, đồng thời cũng cần xem xét, đánh giá quá trình quản lý, công sức giữ gìn tài sản và nhu cầu về chỗ ở của các bên để giải quyết thì mới thỏa đáng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị số 188/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 10/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 53/2020/DS-PT ngày 28/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và bản án dân sự sơ thẩm số 64/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA (nay là thành phố TA), tỉnh Bình Dương. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Bình Dương (để biết);
- TAND thành phố TA (để biết);
- CTHADS thành phố TA (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKTII, HSVA, THS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Cường